

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN  
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA**

Căn cứ các Điều 212, 213 và Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;  
Căn cứ các Điều 55, 58, 81, 82, 83, 84 và Điều 110 Luật Hôn nhân và  
Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy  
ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và  
sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 2247/2020/TLST-HNGĐ  
ngày 02 tháng 11 năm 2020 về việc “yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa  
thuận về việc nuôi con chung” gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

1. **Ông Nguyễn Văn H**, sinh năm 1971;

Địa chỉ: A1/18B, phường T, TP. Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai.

2. **Bà Nguyễn Thị Thu X**, sinh năm 1974;

Địa chỉ: A1/18B, phường T, TP. Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

**[1] Về thủ tục tố tụng:**

Ngày 04 tháng 9 năm 2020, ông H và bà X cùng nộp đơn yêu cầu “công  
nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận việc nuôi con chung”. Quá trình vận động  
hòa giải, ông H và bà X thống nhất không hòa giải đoàn tụ; Tòa án nhân dân  
thành phố Biên Hòa đã lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành và ghi nhận  
thuận tình ly hôn vào ngày 04/11/2020. Ông H và bà X cùng cư trú tại phường  
T, thành phố Biên Hòa, đã nộp tiền tạm ứng lệ phí giải quyết việc dân sự; do  
đó, đơn yêu cầu của ông H và bà X được Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa  
thụ lý và giải quyết là đúng quy định của pháp luật.

**[2] Về nội dung đơn yêu cầu:**

Ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị Thu X chung sống với nhau tự  
nguyện, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân phường H, thành phố

Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 68, quyển số 01 ngày 10/11/1993. Ông H và bà X xác định có một con chung là cháu Nguyễn Thị Hoàng O, sinh năm 1995. Do con chung đã trên 18 tuổi và có khả năng lao động nên ông H và bà X không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ông H và bà X xác định không có tài sản chung và nợ chung.

Trong quá trình chung sống, ông H và bà X thừa nhận hai bên phát sinh nhiều mâu thuẫn, cuộc sống không hạnh phúc. Ông H và bà X xác định tình cảm không còn, không đồng ý hòa giải đoàn tụ mà đề nghị Tòa án công nhận việc thuận tình ly hôn, thỏa thuận việc nuôi con chung.

Xét thấy ông H và bà X thực sự tự nguyện ly hôn, con chung đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, tài sản chung và nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết; Do đó, đủ cơ sở để Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa chấp nhận đơn yêu cầu của ông H và bà X.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn của ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị Thu X.

- Về con chung: Ông H và bà X xác định có 01 con chung tên Nguyễn Thị Hoàng O, sinh năm 1995. Do con chung đã trên 18 tuổi, có khả năng lao động nên Tòa án không xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Ông H và bà X xác định không có nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị Thu X mỗi người phải nộp 150.000đ (Một trăm năm mươi ngàn đồng) lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) đã nộp theo biên lai thu tạm ứng lệ phí số 0007122 ngày 22/10/2020 của Chi Cục thi hành án Dân sự thành phố Biên Hòa, ông H và bà X đã nộp đủ lệ phí theo quy định.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và kháng bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

***Nơi nhận:***

- Đường sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- UBND phường H, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

**THẨM PHÁN**

**Đỗ Thị Huệ**